

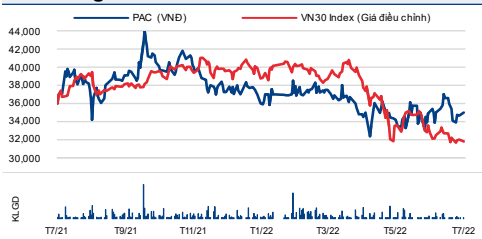
Năm giữ

Giá mục tiêu: VND34,700
Tiềm năng tăng/giảm: -0.9%

| Giá cổ phiếu (đồng) (19/7/2022) | 35,000 |
|---------------------------------|------------------------------|
| Mã Bloomberg | PAC VN |
| Giá cao/thấp 52 tuần (đ) | 32,400-44,000 |
| GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ) | 34,867 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ đ) | 1,627 |
| Vốn hóa trị trường (tr.USD) | 69.5 |
| Slg CP lưu hành (tr.đv) | 46.5 |
| Slg CP NN được sở hữu (tr.đv) | 22.8 |
| Slg CP NN được mua (tr.đv) | 14.9 |
| Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN | 49.0% |
| Tỷ lệ sở hữu của NN | 16.9% |
| Tỷ lệ freefloat | 31.2% |
| Cổ đông lớn | Tập đoàn Hóa chất VN (51.4%) |

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

| Cuối năm: Thg12 | 12-21A | 12-22F | 12-23F |
|---------------------------|--------|--------|--------|
| Doanh thu thuần (tỷ đồng) | 3,049 | 3,446 | 3,721 |
| EBITDA đc (tỷ đồng) | 271 | 272 | 323 |
| LNTT (tỷ đồng) | 222 | 198 | 211 |
| LNT ĐC (tỷ đồng) | 156 | 142 | 152 |
| FCF (tỷ đồng) | 208 | 409 | 206 |
| EPS ĐC (đồng) | 3,366 | 3,064 | 3,267 |
| DPS (đồng) | 1,500 | 1,500 | 1,500 |
| BVPS (đồng) | 18,664 | 20,228 | 21,995 |
| Tăng trưởng EBITDA ĐC (%) | (4.56) | 0.36 | 19.0 |
| Tăng trưởng EPS ĐC (%) | 17.0 | (8.97) | 6.60 |
| Tăng trưởng DPS (%) | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ suất EBITDA ĐC (%) | 8.88 | 7.88 | 8.68 |
| Tỷ suất LNTT (%) | 7.30 | 5.74 | 5.67 |
| Tỷ suất LNT ĐC (%) | 5.70 | 4.59 | 4.53 |
| Tỷ lệ LN thuần trả CT (%) | 40.1 | 44.1 | 41.3 |
| Nợ thuần/VCSH (%) | 132 | 94.8 | 129 |
| ROAE (%) | 21.8 | 17.5 | 17.2 |
| ROACE (%) | 18.6 | 14.6 | 14.6 |
| EV/doanh thu (lần) | 1.19 | 1.11 | 1.15 |
| EV/EBITDA ĐC (lần) | 13.4 | 14.1 | 13.2 |
| P/E ĐC (lần) | 10.4 | 11.4 | 10.7 |
| P/B (lần) | 1.88 | 1.73 | 1.59 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 4.29 | 4.29 | 4.29 |

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PAC là nhà sản xuất ắc quy và pin tại Việt Nam và là thành viên của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2022: Vượt kỳ vọng, nhờ giá nguyên liệu giảm

- Lợi nhuận thuần Q2/2022 đạt 55 tỷ đồng (tăng 34% và vượt 10% dự báo của HSC) và doanh thu thuần đạt 908 tỷ đồng (tăng 21%). Tỷ suất lợi nhuận mở rộng chủ yếu nhờ giá nguyên liệu giảm.
- Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 15% và 20%, đạt lần lượt 54% và 61% dự báo cả năm 2022 của chúng tôi.
- HSC kỳ vọng KQKD sẽ tăng trưởng tốt nhờ mức nền thấp cùng kỳ nhưng sẽ giảm so với quý trước do nhu cầu thực giảm (do giá xăng cao) và thị trường nhiều khả năng sẽ tăng chậm lại.
- HSC duy trì khuyến nghị Năm giữ và giá mục tiêu là 34.700đ (thấp hơn 1% so với thị giá).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2022

KQKD Q2/2022 của PAC vượt dự báo của chúng tôi, mặc dù được hỗ trợ nhờ các khoản doanh thu chất lượng thấp hơn. Doanh thu thuần tăng 20,6% so với cùng kỳ đạt 908 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần tăng 34,1% so với cùng kỳ đạt 55 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 14,7% và 19,8% so với cùng kỳ, và đạt lần lượt 54,4% và 61,4% dự báo cả năm 2022 của HSC.

Doanh thu tăng 21% so với cùng kỳ nhưng được hỗ trợ nhờ kênh phân phối

Trong khi doanh thu thuần trong quý tăng mạnh, điều này có thể chủ yếu do Công ty đẩy mạnh bán hàng qua các kênh phân phối. Giá bán bình quân tăng 3% so với cùng kỳ trong kỳ. Chúng tôi tin rằng nhu cầu thực không thực sự ấn tượng như mức tăng trưởng doanh thu thuần và tăng chậm lại do hoạt động giao thông giảm (do chi phí xăng tăng mạnh).

Nhìn chung, chúng tôi dự báo doanh thu sẽ giảm so với quý trước trong Q3/2022 phản ánh nhu cầu thực của thị trường.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2022, PAC

Lợi nhuận thuần Q2/2022 tăng 34% so với cùng kỳ nhờ tỷ suất lợi nhuận mở rộng

| | Q2/21 | Q2/22 | % y/y | 6T/21 | 6T/22 | %y/y | % dự báo HSC |
|-------------------------|------------|------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Tổng doanh thu | 906 | 1,034 | 14.1% | 1,928 | 2,114 | 9.6% | |
| DTT | 753 | 908 | 20.6% | 1,634 | 1,874 | 14.7% | 54.4% |
| Lợi nhuận gộp | 119 | 146 | 22.7% | 244 | 271 | 11.1% | |
| Lãi/(lỗ) tài chính ròng | 5 | (11) | -333.3% | 8 | (10) | -228.6% | |
| Chi phí BH&QL | 38 | 52 | 36.8% | 80 | 95 | 18.8% | |
| LNTT | 52 | 68 | 30.8% | 107 | 123 | 15.0% | |
| Lợi nhuận thuần | 41 | 55 | 34.1% | 81 | 97 | 19.8% | 61.4% |
| Tỷ suất LN gộp | 15.8% | 16.1% | | 14.9% | 14.5% | | |
| Chi phí BH&QL/DT | 5.0% | 5.7% | | 4.9% | 5.1% | | |
| Tỷ suất LN thuần | 5.4% | 6.1% | | 5.0% | 5.2% | | |

Nguồn: HSC, PAC

Tỷ suất lợi nhuận mở rộng chủ yếu nhờ giá nguyên liệu giảm

Tỷ suất lợi nhuận Q2/2022 tăng lên 16,1% (so với 15,8% trong Q2/2022 và 12,9% trong Q1/2022), chủ yếu nhờ giá các nguyên liệu đầu vào chính giảm (chì và kẽm). Chúng tôi cho rằng xu hướng này sẽ tiếp diễn trong nửa cuối năm 2022 do các nhà sản xuất trên toàn cầu sẽ chịu tác động tiêu cực do nhu cầu toàn cầu thấp và chi phí năng lượng cao. Điều này sẽ hỗ trợ tỷ suất lợi nhuận của PAC và bù đắp cho phần nhu cầu sụt giảm.

Trong khi đang xem xét thêm về KQKD, HSC duy trì dự báo lợi nhuận thuần trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 158 tỷ đồng (giảm 9% so với cùng kỳ) và 167 tỷ đồng (tăng trưởng 7%).

HSC duy trì khuyến nghị Năm giữ; giá mục tiêu và dự báo

PAC hiện đang giao dịch với P/E dự phóng 2022 và 2023 lần lượt là 11,4 lần và 10,7 lần, tương đương P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,0 lần, cao hơn một chút so với mức bình quân trong quá khứ là 10,0 lần (tính từ năm 2019).

HSC duy trì khuyến nghị Năm giữ với giá mục tiêu là 34.700đ (thấp hơn 1% so với thị giá).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

| Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|-------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Doanh thu | 2,954 | 3,049 | 3,446 | 3,721 | 3,946 |
| Lợi nhuận gộp | 448 | 447 | 463 | 531 | 569 |
| Chi phí BH&QL | (246) | (259) | (265) | (287) | (304) |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - |
| EBIT | 202 | 188 | 198 | 245 | 265 |
| Lãi vay thuần | (13.6) | 18.1 | (17.3) | (52.3) | (73.2) |
| Lãi/lỗ trong Cty LD,LK | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lợi nhuận khác | - | - | - | - | - |
| LN không thường xuyên | 0.68 | 16.1 | 17.1 | 18.5 | 19.6 |
| LNTT | 190 | 222 | 198 | 211 | 211 |
| Chi phí thuế TNDN | (40.9) | (48.6) | (39.6) | (42.2) | (42.3) |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | - | - | - | - | - |
| LNST không thường xuyên | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần | 149 | 174 | 158 | 169 | 169 |
| Lợi nhuận thuần ĐC | 134 | 156 | 142 | 152 | 152 |
| EBITDA ĐC | 284 | 271 | 272 | 323 | 363 |
| EPS (đồng) | 3,197 | 3,740 | 3,405 | 3,630 | 3,640 |
| EPS ĐC (đồng) | 2,878 | 3,366 | 3,064 | 3,267 | 3,276 |
| DPS (đồng) | 1,500 | 1,500 | 1,500 | 1,500 | 1,500 |
| Slg CP bình quân (triệu đv) | 46.5 | 46.5 | 46.5 | 46.5 | 46.5 |
| Slg CP cuối kỳ (triệu đv) | 46.5 | 46.5 | 46.5 | 46.5 | 46.5 |
| Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv) | 46.5 | 46.5 | 46.5 | 46.5 | 46.5 |

| Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|---------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Tiền & tương đương tiền | 149 | 119 | 532 | 534 | 517 |
| Đầu tư ngắn hạn | 673 | 790 | 345 | 298 | 276 |
| Phải thu khách hàng | 165 | 176 | 201 | 219 | 234 |
| Hàng tồn kho | 691 | 674 | 858 | 927 | 984 |
| Các tài sản ngắn hạn khác | 49.3 | 51.1 | 51.7 | 55.8 | 59.2 |
| Tổng tài sản ngắn hạn | 1,728 | 1,809 | 1,988 | 2,033 | 2,070 |
| TSCĐ hữu hình | 329 | 339 | 375 | 862 | 1,165 |
| TSCĐ vô hình | 216 | 209 | 203 | 196 | 189 |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Đầu tư dài hạn | 40.3 | 36.1 | 36.1 | 36.1 | 36.1 |
| Đầu tư vào Cty LD,LK | 32.5 | 32.5 | 32.5 | 32.5 | 32.5 |
| Tài sản dài hạn khác | 54.5 | 53.4 | 59.7 | 64.1 | 67.7 |
| Tổng tài sản dài hạn | 672 | 670 | 706 | 1,190 | 1,490 |
| Tổng cộng tài sản | 2,400 | 2,480 | 2,694 | 3,223 | 3,560 |
| Nợ ngắn hạn | 1,226 | 1,140 | 1,288 | 1,391 | 1,476 |
| Phả trả người bán | 136 | 154 | 170 | 176 | 180 |
| Nợ ngắn hạn khác | 150 | 175 | 144 | 155 | 164 |
| Tổng nợ ngắn hạn | 1,601 | 1,545 | 1,652 | 1,774 | 1,873 |
| Nợ dài hạn | 68.1 | 66.2 | 101 | 426 | 580 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nợ dài hạn khác | 0.42 | 1.50 | 1.50 | 1.50 | 1.50 |
| Tổng nợ dài hạn | 68.5 | 67.7 | 102 | 427 | 582 |
| Tổng nợ phải trả | 1,670 | 1,612 | 1,754 | 2,201 | 2,455 |
| Vốn chủ sở hữu | 730 | 867 | 940 | 1,022 | 1,105 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | - | - | - | - | - |
| Tổng vốn chủ sở hữu | 730 | 867 | 940 | 1,022 | 1,105 |
| Tổng nợ phải trả và VCSH | 2,400 | 2,480 | 2,694 | 3,223 | 3,560 |
| BVPS (đ) | 15,715 | 18,664 | 20,228 | 21,995 | 23,771 |
| Nợ thuần*/(tiền mặt) | 1,175 | 674 | 856 | 1,300 | 2,056 |

| Báo cáo LCTT (tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|--|---------------|---------------|--------------|--------------|---------------|
| EBIT | 202 | 188 | 198 | 245 | 265 |
| Khấu hao | (81.2) | (82.5) | (73.6) | (78.5) | (98.3) |
| Lãi vay thuần | (13.6) | 18.1 | (17.3) | (52.3) | (73.2) |
| Thuế TNDN đã nộp | (44.1) | (39.4) | (39.6) | (42.2) | (42.3) |
| Thay đổi vốn lưu động | 59.8 | 3.86 | (193) | (81.1) | (67.9) |
| Khác | (15.4) | (5.28) | 387 | 56.5 | 29.8 |
| LCT thuần từ HKKD | 225 | 208 | 409 | 206 | 212 |
| Đầu tư TS dài hạn | - | - | - | - | - |
| Góp vốn & đầu tư | (96.1) | (64.3) | (103) | (558) | (395) |
| Thanh lý | (457) | (230) | 0 | 0 | 0 |
| Khác | 494 | 169 | (6.30) | (4.37) | (3.57) |
| LCT thuần từ HĐĐT | (59.1) | (125) | (110) | (563) | (398) |
| Cổ tức trả cho CSH | (69.7) | (23.2) | (69.7) | (69.7) | (69.7) |
| Thu từ phát hành CP | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tăng/giảm nợ | (133) | (89.0) | 183 | 428 | 239 |
| Khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LCT thuần từ HĐTC | (202) | (112) | 113 | 358 | 169 |
| Tiền & tương đương tiền đầu kì | 186 | 149 | 119 | 532 | 534 |
| LCT thuần trong kỳ | (36.4) | (29.7) | 413 | 1.35 | (16.5) |
| Ảnh hưởng của tỷ giá | (0.70) | (0.53) | 0 | 0 | 0 |
| Tiền & tương đương tiền cuối kì | 149 | 119 | 532 | 534 | 517 |
| Dòng tiền tự do | 225 | 208 | 409 | 206 | 212 |

| Các chỉ số tài chính | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Chỉ số hoạt động | | | | | |
| Tỷ suất LN gộp (%) | 15.2 | 14.7 | 13.4 | 14.3 | 14.4 |
| Tỷ suất EBITDA ĐC (%) | 9.60 | 8.88 | 7.88 | 8.68 | 9.21 |
| Tỷ suất LNT (%) | 5.03 | 5.70 | 4.59 | 4.53 | 4.29 |
| Thuế TNDN hiện hành (%) | 21.6 | 21.8 | 20.0 | 20.0 | 20.0 |
| Tăng trưởng doanh thu (%) | (4.06) | 3.20 | 13.0 | 8.00 | 6.05 |
| Tăng trưởng EBITDA ĐC (%) | (5.61) | (4.56) | 0.36 | 19.0 | 12.5 |
| Tăng trưởng LNT ĐC (%) | (10.9) | 17.0 | (8.97) | 6.60 | 0.29 |
| Tăng trưởng EPS (%) | (10.9) | 17.0 | (8.97) | 6.60 | 0.29 |
| Tăng trưởng EPS ĐC (%) | (10.9) | 17.0 | (8.97) | 6.60 | 0.29 |
| Tăng trưởng DPS (%) | (25.0) | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ LN thuần trả CT (%) | 46.9 | 40.1 | 44.1 | 41.3 | 41.2 |
| Chỉ số lợi nhuận | | | | | |
| ROAE (%) | 21.2 | 21.8 | 17.5 | 17.2 | 15.9 |
| ROACE (%) | 26.2 | 18.6 | 14.6 | 14.6 | (607) |
| Vòng quay tài sản (lần) | 1.21 | 1.25 | 1.33 | 1.26 | 1.16 |
| Tiền mặt HD/EBIT (lần) | 1.11 | 1.11 | 2.07 | 0.84 | 0.80 |
| Số ngày tồn kho | 101 | 94.5 | 105 | 106 | 106 |
| Số ngày phải thu | 24.1 | 24.6 | 24.6 | 25.0 | 25.3 |
| Số ngày phải trả | 19.8 | 21.6 | 20.9 | 20.1 | 19.4 |
| Cơ cấu vốn | | | | | |
| Nợ thuần*/VCSH (%) | 168 | 132 | 94.8 | 129 | 143 |
| Nợ/tài sản (%) | 57.4 | 51.1 | 52.8 | 57.5 | 58.9 |
| EBIT/lãi vay (lần) | 14.9 | N/a | 11.4 | 4.68 | 3.62 |
| Nợ/EBITDA (lần) | 4.86 | 4.68 | 5.24 | 5.74 | 5.77 |
| Chỉ số TT hiện thời (lần) | 1.08 | 1.17 | 1.20 | 1.15 | 1.10 |
| Định giá | | | | | |
| EV/doanh thu (lần) | 1.40 | 1.19 | 1.11 | 1.15 | 1.27 |
| EV/EBITDA ĐC (lần) | 14.6 | 13.4 | 14.1 | 13.2 | 13.8 |
| P/E (lần) | 10.9 | 9.36 | 10.3 | 9.64 | 9.62 |
| P/E ĐC (lần) | 12.2 | 10.4 | 11.4 | 10.7 | 10.7 |
| P/B (lần) | 2.23 | 1.88 | 1.73 | 1.59 | 1.47 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 4.29 | 4.29 | 4.29 | 4.29 | 4.29 |

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn